

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI

Kỳ thi: Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B1)

Phòng thi: E303

Môn thi: Kỹ năng viết

Ca thi: 9h15-10h15

Ngày thi: 24/06/2024

.	SBD	Mã sinh viên	Họ	Tên	Năm sinh	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	TA60146	20810420073	Hoàng	An	09/12/2002			
2	TA60147	20810820048	Nguyễn Hoàng	An	13/05/2002			
3	TA60148	20810850001	Bùi Thị Vân	Anh	01/11/2002			
4	TA60149	20810720033	Đinh Tiến	Anh	04/10/2002			
5	TA60150	19810710194	Lê Quốc	Anh	20/10/2001			
6	TA60151	20810610018	Nguyễn Đức	Anh	01/12/2002			
7	TA60152	20810710127	Nguyễn Hà Quỳnh	Anh	22/10/2002			
8	TA60153	ĐVTHS	Nguyễn Quang	Anh	17/05/1978			
9	TA60154	20810850024	Nguyễn Thị Vân	Anh	04/02/2002			
10	TA60155	18810650009	Nguyễn Tuấn	Anh	30/12/2000			
11	TA60156	20810310572	Phạm Đức	Anh	27/01/2002			
12	TA60157	21810220449	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	11/09/2003			
13	TA60158	19810710017	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	02/03/2001			
14	TA60159	2262010025	Trần Văn	Bắc	13/09/1983			
15	TA60160	20810710069	Phạm Văn Tuấn	Bảo	16/09/2002			
16	TA60161	20810820055	Nguyễn Văn	Cánh	05/08/2002			
17	TA60162	20810000019	Hà Thị Mai	Chi	30/11/2002			
18	TA60163	19810310039	Nguyễn Hải	Chiều	20/08/2001			
19	TA60164	18810320664	Nguyễn Văn	Chương	13/05/2000			
20	TA60165	20810420089	Bùi Trọng	Đại	16/04/2002			
21	TA60166	18810620038	Hoàng Văn	Đại	05/11/2000			
22	TA60167	18810540150	Trần Hải	Đăng	25/05/2000			
23	TA60168	20810610013	Vũ Minh	Đăng	25/11/2002			
24	TA60169	21810540470	Nguyễn Hữu	Đạt	17/07/2003			
25	TA60170	20810710285	Nguyễn Thành	Đạt	29/01/2002			
26	TA60171	21810310023	Hoàng Bích	Diệp	08/10/2003			
27	TA60172	21810710170	Nguyễn Thị	Diệp	30/01/2002			
28	TA60173	20810230076	Nguyễn Thị Ngọc	Diệp	16/07/2002			
29	TA60174	20810710238	Trần Hồng	Diệp	08/01/2002			

Tổng số thí sinh theo danh sách: Tổng số thí sinh có mặt:

Tổng số bài thi: Tổng số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi thứ nhất

(ký ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai

(ký ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI

Kỳ thi: Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B1)
Môn thi: Kỹ năng viết

Phòng thi: E304
Ngày thi: 24/06/2024

Ca thi: 9h15-10h15

.	SBD	Mã sinh viên	Họ	Tên	Năm sinh	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	TA60175	2262010028	Tổng Bá	Đoàn	31/10/1989			
2	TA60176	20810000351	Phạm Hải	Đông	05/07/2002			
3	TA60177	20810000432	Trần Hồng	Du	11/11/2001			
4	TA60178	18810430084	Nguyễn Đắc	Đức	11/06/2000			
5	TA60179	19810430301	Nguyễn Tiến	Đức	07/03/2001			
6	TA60180	20810620032	Đặng Anh	Dũng	13/06/2002			
7	TA60181	20810310387	Nguyễn Minh	Dũng	02/09/2002			
8	TA60182	20810610035	Phùng Tiến	Dũng	12/23/0002			
9	TA60183	20810820060	Trần Văn	Dũng	04/07/2002			
10	TA60184	1781110078	Đỗ Thái	Dương	16/02/1999			
11	TA60185	20810830205	Hàn Thị Thùy	Dương	07/11/2002			
12	TA60186	20810310369	Đỗ Hoài	Giang	19/12/2002			
13	TA60187	20810820038	Nguyễn Đức	Giang	09/06/2001			
14	TA60188	21810820251	Nguyễn Phương	Giang	31/10/2003			
15	TA60189	20810710199	Nguyễn Thị Quỳnh	Giang	30/08/2002			
16	TA60190	20810820092	Trần Thị Thu	Hà	02/09/2002			
17	TA60191	20810230042	Hoàng Minh	Hằng	29/06/2002			
18	TA60192	1591210018	Nguyễn Gia	Hiền	15/04/1997			
19	TA60193	20810000225	Ngô Quang	Hiếu	12/05/2002			
20	TA60194	21810310144	Phạm Thị Thu	Hoài	12/02/2003			
21	TA60195	20810160451	Đinh Văn	Hoan	21/01/2002			
22	TA60196	20810610263	Nguyễn Văn	Hoàng	01/03/2002			
23	TA60197	20810710099	Ninh Văn	Hoàng	29/10/2002			
24	TA60198	20810710193	Nguyễn Ánh	Hồng	29/06/2002			
25	TA60199	20810510093	Nguyễn Văn	Hùng	14/06/2002			
26	TA60200	20810620003	Vũ Mạnh	Hùng	11/01/2002			
27	TA60201	20810710237	Phan Thu	Hương	27/05/2002			
28	TA60202	20819120023	Hoàng Quốc	Huy	14/04/2002			
29	TA60203	18810710169	Trần Chí	Huy	16/12/2000			

Tổng số thí sinh theo danh sách:Tổng số thí sinh có mặt:.....

Tổng số bài thi:.....Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ coi thi thứ nhất
(ký ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai
(ký ghi rõ họ tên)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐIỆN LỰC
HỘI ĐỒNG THI ĐGNL TIẾNG ANHCỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI****Kỳ thi:** Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B1)**Phòng thi:** E401**Môn thi:** Kỹ năng viết**Ca thi:** 9h15-10h15**Ngày thi:** 24/06/2024

.	SBD	Mã sinh viên	Họ	Tên	Năm sinh	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	TA60204	20810710174	Chu Thanh	Huyền	16/04/2002			
2	TA60205	20810830226	Phạm Khánh	Huyền	01/10/2002			
3	TA60206	21810180382	Vũ Hoàng	Kế	27/05/2003			
4	TA60207	18810410153	Nguyễn Văn	Kha	04/08/1999			
5	TA60208	18810320651	Phạm Quang	Khải	21/05/2000			
6	TA60209	18810170109	Nguyễn Văn	Khang	21/04/2000			
7	TA60210	20810160556	Nguyễn Văn	Khánh	03/07/2002			
8	TA60211	20810820041	Lê Đình	Khoa	16/04/2002			
9	TA60212	20810310296	Lê Trần Trung	Kiên	07/04/2002			
10	TA60213	20810710123	Nguyễn Trung	Kiên	10/08/2002			
11	TA60214	19810110386	Nguyễn Văn	Kiên	15/10/2001			
12	TA60215	19810420256	Lê Xuân	Lâm	24/08/2001			
13	TA60216	21810830233	Nguyễn Thị	Linh	29/10/2002			
14	TA60217	20810660272	Nguyễn Văn	Linh	16/06/2002			
15	TA60218	20810830212	Phạm Thùy	Linh	07/01/2002			
16	TA60219	20810710251	Nguyễn Đức	Long	27/11/2002			
17	TA60220	19810000160	Nguyễn Văn	Long	05/06/2001			
18	TA60221	19810310621	Phí Thành	Long	24/12/2000			
19	TA60222	18810310165	Vu Phi	Long	25/12/2000			
20	TA60223	18810620138	Trần Tiến	Lực	11/08/2000			
21	TA60224	20810710082	Nguyễn Phương	Ly	03/06/2002			
22	TA60225	20810000308	Hoàng Văn	Mạnh	10/10/2002			
23	TA60226	18810310414	Nguyễn Đức	Mạnh	17/11/2000			
24	TA60227	20810820062	Trần Văn	Mạnh	01/09/2002			
25	TA60228	20810710073	Lê Ngọc	Minh	21/10/2002			
26	TA60229	20810610011	Mai Trọng Quang	Minh	19/10/2002			
27	TA60230	19810310021	Lưu Ngọc	Nam	22/03/2001			
28	TA60231	1781610065	Nguyễn Văn	Nam	30/01/1999			
29	TA60232	18810320715	Phạm Đức	Nam	01/12/2000			

Tổng số thí sinh theo danh sách: Tổng số thí sinh có mặt:

Tổng số bài thi: Tổng số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi thứ nhất

(ký ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai

(ký ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI

Kỳ thi: Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B1)
Môn thi: Kỹ năng viết

Phòng thi: E402
Ngày thi: 24/06/2024

Ca thi: 9h15-10h15

.	SBD	Mã sinh viên	Họ	Tên	Năm sinh	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	TA60233	20810820070	Đỗ Thanh	Nga	10/01/2002			
2	TA60234	19810850006	Phạm Quang	Nghĩa	13/07/2001			
3	TA60235	18810310458	Nguyễn Văn	Nghiêm	14/10/2000			
4	TA60236	20810000416	Ngô Quang	Nghiệp	09/07/2002			
5	TA60237	19810230014	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	08/01/2001			
6	TA60238	18810340098	Vũ Hồng	Ngọc	22/06/2000			
7	TA60239	21810710178	Nguyễn Vũ Bảo	Nguyên	21/12/2003			
8	TA60240	21810180290	Phạm Bình	Nguyên	01/07/2003			
9	TA60241	ĐVTHS	Phạm Đức	Nhân	29/05/2000			
10	TA60242	20810820076	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	20/07/2002			
11	TA60243	20810160459	Vũ Văn	Ninh	12/04/2002			
12	TA60244	20810420096	Hoàng Trung	Phong	21/04/2002			
13	TA60245	19810420010	Nguyễn Văn	Phú	19/01/2001			
14	TA60246	20810110265	Lê Đình	Phương	27/12/2002			
15	TA60247	19810310323	Ngô Xuân	Quang	12/05/2001			
16	TA60248	20810710296	Nguyễn Quang	Sang	06/10/2002			
17	TA60249	19810230010	Dương Ngọc	Son	03/03/2001			
18	TA60250	20810110261	Nguyễn Hồng	Son	25/04/2002			
19	TA60251	20810830194	Đỗ Huệ	Tâm	16/04/2002			
20	TA60252	19810110004	Đỗ Xuân	Thạch	25/11/2001			
21	TA60253	19810660061	Bùi Quảng	Thái	21/10/2001			
22	TA60254	22810310070	Phạm Trần	Thái	17/06/2004			
23	TA60255	20810170375	Nguyễn Đức	Thắng	21/11/2002			
24	TA60256	21810670286	Nguyễn Văn	Thắng	17/09/2003			
25	TA60257	19810310681	Võ Thanh	Thắng	21/05/1997			
26	TA60258	1781320026	Bùi Công	Thành	27/08/1999			
27	TA60259	18810310293	Nguyễn Tiến	Thành	20/09/2000			
28	TA60260	19810830099	Bùi Phương	Thảo	21/09/2001			
29	TA60261	19810810197	Nguyễn Thị	Thảo	16/05/2001			

Tổng số thí sinh theo danh sách:Tổng số thí sinh có mặt:.....

Tổng số bài thi:.....Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ coi thi thứ nhất
(ký ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai
(ký ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI

Kỳ thi: Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B1)
Môn thi: Kỹ năng viết

Phòng thi: E403
Ngày thi: 24/06/2024

Ca thi: 9h15-10h15

.	SBD	Mã sinh viên	Họ	Tên	Năm sinh	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	TA60262	20810850021	Vũ Thị Phương	Thảo	21/07/2002			
2	TA60263	20810850009	Cao Anh	Thư	15/11/2002			
3	TA60264	18810710207	Đỗ Thị	Thúy	15/08/2000			
4	TA60265	21810710098	Hoàng Thu	Thủy	15/11/2003			
5	TA60266	20810170381	Lại Thế	Tinh	02/11/2001			
6	TA60267	18810310606	Đậu Quốc	Toàn	08/02/2000			
7	TA60268	19810000515	Phạm Văn	Toàn	15/03/2001			
8	TA60269	20810830044	Lê Thanh	Trà	16/07/2002			
9	TA60270	20810850007	Hà Thị	Trang	04/04/2002			
10	TA60271	20810850062	Hoàng Huyền	Trang	27/06/2002			
11	TA60272	21810230426	Nguyễn Thị	Trang	05/12/2003			
12	TA60273	20810810137	Nguyễn Thị Thu	Trang	21/10/2002			
13	TA60274	20810170418	Lê Minh	Trí	12/12/2002			
14	TA60275	2162010040	Đặng Quang	Trung	10/03/1993			
15	TA60276	19810310610	Nguyễn Đức	Tú	26/08/2001			
16	TA60277	20810310273	Trần Anh	Tuấn	03/12/2002			
17	TA60278	18810310248	Nguyễn Công	Tuệ	10/02/2000			
18	TA60279	20810000121	Hà Tài	Tùng	03/01/2002			
19	TA60280	19810310127	Trần Sơn	Tùng	05/01/2001			
20	TA60281	20810000193	Chu Ánh	Tuyết	18/04/2002			
21	TA60282	2162010044	Nguyễn Thị	Uyên	12/12/1992			
22	TA60283	20810710107	Phạm Thị Tú	Uyên	02/12/2002			
23	TA60284	20810610249	Phùng Huy	Văn	08/05/2002			
24	TA60285	18810620059	Trần Anh	Việt	18/07/2000			
25	TA60286	20810710228	Đỗ Công	Vũ	13/12/2002			
26	TA60287	20810170363	Trần Hải	Yến	13/10/2002			

Tổng số thí sinh theo danh sách:Tổng số thí sinh có mặt:.....

Tổng số bài thi:.....Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ coi thi thứ nhất

(ký ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai

(ký ghi rõ họ tên)